

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 757/2023/HC-PT
Ngày 23 tháng 10 năm 2023
*V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Ông Đặng Văn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhạn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 540/2021/TLPT-HC ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, do có kháng cáo đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2021/HC-ST, ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10909/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lục A D, sinh năm 1971; địa chỉ: tổ F, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; có mặt.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

1. Ông Nguyễn Văn Á, Luật sư Văn phòng L1, Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

2. Ông Huỳnh Thanh T, Luật sư Công ty L2, Đoàn Luật sư thành phố H; vắng mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1983; địa chỉ: tổ A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

2. Ông Lục A L, sinh năm 1940; địa chỉ: tổ F, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

- **Người kháng cáo:** Người khởi kiện ông Lục A D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trình bày của các đương sự, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

- *Người khởi kiện ông Lục A D trình bày:*

Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện P đã cấp trái pháp luật Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số CQ 128249 và CQ 128250 ngày 03/9/2020 cho bà Nguyễn Thị Hồng G trên đất gia đình ông đang sử dụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông; cụ thể:

Về nguồn gốc và quá trình khai hoang cải tạo đất: Năm 1966 gia đình ông đã khai hoang, cải tạo khu đất rộng khoảng 11.250m² nằm đối diện cửa hang 35 để tăng gia sản xuất. Bố ông là Lục A L đã nhờ ông Lục Quốc V trú tại và bà Lục Thị D1 cùng trú tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giúp việc khai hoang. Đến tháng 4/1974, Công ty X thuộc Bộ C1 và luyện kim đã khai thác đá trên một phần đất gia đình ông khoảng 01 năm, gia đình ông vẫn sản xuất trên phần đất còn lại. Từ năm 1984 đến 2003, Công ty C2 lại đến khai thác đá ở khu vực này, gia đình ông vẫn sản xuất trên phần đất còn lại. Ngày 09/02/2001, ông thuê máy ủi của ông Nguyễn Văn D2 san bằng khoảng 1000m² sườn đồi gia đình ông canh tác; ngày 26/8/2003 bố ông lại thuê ông D2 san lấp hoàn thổ mỏ đá các Công ty khai thác rồi bỏ đi trên diện tích 2000m²; khoảng đầu năm 2004, ông thuê ông Trần Đức T1 san sửa khu vực cửa hang 35; từ ngày 06/10/2004 ông thuê anh Nguyễn Văn C tiếp tục san ủi mặt bằng đến ngày 12/10/2004 thì ngừng san ủi theo yêu cầu của UBND xã Y.

Năm 2007, chính quyền tiến hành đo vẽ hiện trạng thì ông đứng tên trên thửa đất số 29, tờ bản đồ số 50, còn bố ông lúc đó cũng kê khai đứng tên thửa đất số 30 tờ bản đồ số 50. Đến năm 2008, khi đo lại thửa đất, ông và bố ông vẫn đăng ký đứng tên trên thửa 29 và 30, tờ bản đồ số 50. Gia đình ông đã liên tục làm đơn xin Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất để có điều kiện sử dụng đất đúng pháp luật và làm nghĩa vụ thuế với Nhà nước nhưng UBND huyện P và UBND xã Y xã chỉ trả lời không đủ điều kiện cấp đất, cũng không có hướng dẫn nào cho gia đình ông nộp thuế hay xin thuê đất; cụ thể là đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất nông nghiệp ngày 10/10/2005, đơn xin cấp GCNQSDĐ ngày 15/10/2005 (điền theo mẫu đơn), đơn xin cấp quyền sử dụng đất ngày 10/12/2009, đơn đề nghị đăng ký quyền sử dụng đất nông nghiệp ngày 14/5/2013.

Tại điểm b, khoản 3 Nghị định số 43/2014 quy định chi tiết Luật Đất đai 2013 quy định: “...b) Trường hợp đang sử dụng đất không thuộc trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo rà soát, điều chỉnh quy

hoạch sử dụng đất; người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất". Đối chiếu với quy định trên, gia đình ông khai hoang, cải tạo đất và sử dụng đất liên tục từ năm 1966 không có tranh chấp, cho dù việc khai hoang đã bị xử phạt hành chính với lý do lấn chiếm đất thì gia đình ông vẫn thuộc diện được công nhận quyền sử dụng đất. UBND các cấp huyện P không cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông là trái với quy định của pháp luật.

Ngày 27/9/2020, khi có người và máy đến san ủi, chặt phá cây cối của ông thì ông mới được biết thửa đất số 29, 30 gia đình ông đang sử dụng đã được cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị Hồng G qua đấu thầu, thuê đất để làm cơ sở sản xuất kinh doanh trong khi gia đình ông không biết, không nhận được bất cứ giấy tờ văn bản nào của chính quyền liên quan đến việc này.

Tại Điều 53 Luật Đất đai quy định: *"Việc Nhà nước quyết định giao đất, cho thuê đất đối với đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được thực hiện sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của Luật này và phải thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật đối với trường hợp phải giải phóng mặt bằng".* Như vậy, UBND huyện P cho thuê đất, cấp GCNQSDĐ cho bà G đối với đất gia đình ông đang sử dụng mà không làm thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông là trái với quy định của pháp luật. Ngoài ra, theo quy định tại Điều 35, 36, 57 Luật Đấu giá năm 2016, UBND huyện P tiến hành giao đất, cho thuê không công khai minh bạch, gia đình ông không được biết nên mất quyền lợi tham gia đấu thầu.

Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ số CQ 128249 và CQ 128250 ngày 03/9/2020 của UBND huyện P, tỉnh Thái Nguyên đã cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng G trú tại phường Đ, thành phố T.

- *Người bị kiện UBND huyện P, tỉnh Thái Nguyên trình bày:*

Việc cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị Hồng G, địa chỉ phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên sử dụng thửa đất số 29 và thửa số 30, tờ bản đồ số 50 thuộc xóm Đ, xã Y, huyện P trên cơ sở kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất thuê, trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, thời hạn 50 năm là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật. Ông Lục A D không có bất cứ quyền lợi và nghĩa vụ nào liên quan đến thửa đất số 29, 30 tờ bản đồ số 50, bản đồ địa chính xã Y, huyện P.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Lục A L trình bày:*

Thông nhất với nội dung khởi kiện và trình bày của ông Lục A D.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng G trình bày:*

Tháng 8/2020, UBND huyện P tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, thời hạn 50 năm tại các thửa đất số 29, 30 tờ bản đồ số 50, thuộc xóm Đ, xã Y, huyện P. Theo thông báo đấu giá quyền sử dụng đất,

02 thửa đất trên được xác định là đất thuộc quyền quản lý và sử dụng của UBND huyện P, có nguồn gốc rõ ràng, không có tranh chấp. Vì vậy, bà đã tham gia và trúng đấu giá quyền sử dụng đất, được công nhận bằng Quyết định số 2057/QĐ-UBND ngày 20/08/2020 của UBND huyện P về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, thời hạn 50 năm tại thửa đất số 29, 30 tờ bản đồ số 50 thuộc xóm Đ, xã Y, huyện P. Ngày 03/9/2020, UBND huyện P (Bên cho thuê) đã soạn hợp đồng số 01 và thỏa thuận cho tôi thuê đất với thời hạn 50 năm. Bên cho thuê cam kết bảo đảm việc sử dụng đất cho tôi (Bên thuê) trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng; bà đã hoàn thiện toàn bộ nghĩa vụ trả tiền thuê đất theo quy định. Ngày 03/9/2020, UBND huyện P đã ra Quyết định số 2209/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đồng thời cấp các GCNQSDĐ số CQ 128249 và CQ 128250 cho bà. Ngày 27/10/2020, UBND huyện P và UBND xã Y đã tiến hành bàn giao đất tại thực địa cho bà và lập biên bản bàn giao đất. Ngày 14/01/2021, UBND huyện P đã cấp Giấy phép xây dựng số 01/GPXD cho bà để thực hiện xây dựng công trình trên diện tích đất trên. Hiện nay bà đã tiến hành cải tạo và xây dựng các công trình trên đất theo giấy phép được cấp.

Quá trình tham gia đấu giá quyền sử dụng đất của bà là đúng quy định của pháp luật; UBND huyện P đã công nhận và cấp GCNQSDĐ cho bà; đề nghị Tòa án bảo vệ quyền sử dụng hợp pháp của bà đối với các thửa đất trên.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2021/HC-ST ngày 25/8/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:

Áp dụng các Điều 30, 32, 115, 116, 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 105 Luật Đất đai năm 2013; Điều 48 Luật Đấu giá tài sản năm 2016; khoản 5 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lục A D về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất số CQ 128249 ngày 03/9/2020 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất số CQ 128250 ngày 03/9/2020 do UBND huyện P, tỉnh Thái Nguyên cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng G trú tại phường Đ, thành phố T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/9/2021, người khởi kiện ông Lục A D làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện ông Lục A D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử cho Luật sư bảo vệ quyền lợi trình bày nội dung, căn cứ kháng cáo.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có kháng cáo trình bày: Các thửa đất là do gia đình ông Lục A L khai phá từ những năm 1966 sau đó chia cho các con sử dụng; theo quy định của pháp luật thì tại thời điểm này khuyến khích các gia đình khai hoang, phục hoá để quản lý đất. Gia đình ông D sử dụng đất liên tục, ổn định từ khi khai phá đến nay, đã bỏ ra nhiều công sức, tiền của để quản lý, sử dụng và cải tạo đất; đã trồng các cây lâu năm, cây ăn quả và hiện tại còn có trên đất nên có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai. UBND huyện P thu hồi đất của gia đình ông D nhưng không ban hành quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ là không đúng. Các tài liệu hồ sơ vụ án về các lần UBND tỉnh B (UBND tỉnh T sau này) giao đất, thu hồi đất không có tài liệu là bản đồ thửa đất nên chưa có căn cứ xác định diện tích đất UBND tỉnh T thu hồi giao cho UBND huyện P quản lý có phần diện tích đất của gia đình ông D khai phá và theo Biên bản giao đất cho UBND huyện P (BL số 320) thì diện tích đất theo bản đồ hiện trạng, trong khi đó bản đồ hiện trạng không thể hiện có thửa đất số 29, 30 nên việc UBND huyện P tiến hành việc đấu thầu, cho bà G thuê đất và cấp các GCNQSDĐ cho bà G là không đúng quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm không xem xét đầy đủ các chứng cứ, tài liệu do gia đình ông D nộp và trình bày; bản án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng tố tụng, bỏ lọt người tham gia tố tụng là UBND xã Y. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của ông Lục A D là trong hạn luật định nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông Lục A D, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2021/HC-ST ngày 25/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Lục A D là trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính và đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên toà, có mặt người khởi kiện có kháng cáo và 01/02 người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện; người bị kiện và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên toà, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và xét thấy những người vắng mặt đều không kháng cáo nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành việc xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Ngày 20/12/2020, ông Lục A D khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất số CQ 128249 và GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất số CQ 128250 cùng ngày 03/9/2020 do UBND huyện P, tỉnh Thái Nguyên cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng G, trú tại phường Đ, thành phố T. Do đó, bản án sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu khởi kiện còn trong thời hiệu khởi kiện và xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên là đúng theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3, Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung; xét kháng cáo của ông Lục A D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất số CQ 128249 và GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất số CQ 128250 cùng ngày 03/9/2020 của UBND huyện P, tỉnh Thái Nguyên cho bà Nguyễn Thị Hồng G:

Ngày 30/12/2019, UBND tỉnh T có Quyết định số 4247/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện P; trong đó có dự án đầu tư giá đất sản xuất kinh doanh thuộc xã Y, huyện P, diện tích 1,32 ha. Ngày 19/11/2019, UBND huyện P có Quyết định số 4426/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án đầu tư thuê quyền sử dụng đất thửa đất số 29, 30 tờ bản đồ số 50, đất sản xuất kinh doanh thuộc xóm Đ, xã Y, huyện P. Ngày 19/11/2019, UBND huyện P có Quyết định số 4427/QĐ-UBND về việc phê duyệt đầu tư thuê quyền sử dụng đất. Ngày 03/3/2020, UBND huyện P có Quyết định số 452/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án đầu tư giá quyền sử dụng đất thuê. Ngày 01/6/2020, UBND tỉnh T có Quyết định số 1571/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá khởi điểm để thực hiện đầu tư giá quyền sử dụng đất theo hình thức thuê trả tiền một lần. Ngày 08/7/2020, UBND huyện P có Quyết định số 1743/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Phương án đầu tư giá quyền sử dụng đất thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê. Ngày 09/7/2020, UBND huyện P và Công ty Đ ký hợp đồng dịch vụ đầu tư giá tài sản số 22/HĐ-VBAP. Ngày 06/8/2020, Công Ty Đ có văn bản số 85/TB-VBAT về việc thông báo kết quả đầu tư giá tài sản. Ngày 09/8/2020, phòng Tài chính huyện P có Báo cáo số 383/BC-TCKH quá trình tổ chức đầu tư giá thuê đất. Ngày

17/8/2020 phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P có Tờ trình số 232/TTr-TNMT về việc đề nghị phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất thuê. Ngày 20/8/2020, UBND huyện P có Quyết định số 2057/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê. Ngày 21/8/2020, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P có Tờ trình số 241/TTr-TNMT về việc đề nghị cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê do trúng đấu giá quyền sử dụng đất. Ngày 03/9/2020, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P có Tờ trình số 269/TTr-TNMT về việc cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất cho bà Nguyễn Thị Hồng G do trúng đấu giá quyền sử dụng đất tại xóm Đ, xã Y, huyện P. Ngày 03/9/2020, UBND huyện P và bà Nguyễn Thị Hồng G ký hợp đồng thuê đất. Ngày 03/9/2020, UBND huyện P có Quyết định số 2209/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất và cấp các GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị Hồng G trú tại phường Đ, thành phố T.

Như vậy, UBND huyện P ban hành các GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất số CQ 128249; GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất số CQ 128250 cùng ngày 03/9/2020 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 105 Luật Đất đai năm 2013; Điều 48 Luật Đấu giá tài sản năm 2016; khoản 5 Điều 68 Nghị định số 43/2014/ NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[2.2] Về nguồn gốc, quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 29 và 30, tờ bản đồ số 50, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên:

Các thửa đất số 29 và 30, tờ bản đồ số 50, tại xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên vào năm 1985 UBND tỉnh B (Thái Nguyên) đã được cấp cho Sở Giao thông tỉnh B để khai thác đá. Tại Quyết định số 3502/QĐ-UB, ngày 26/12/2003 của UBND tỉnh T đã thu hồi 60.000m² đất khai thác đá của Công ty C2 (nay là Công ty cổ phần G1) được UBND tỉnh T cho thuê tại Quyết định 230/QĐ-UB ngày 03/02/1997 và giao toàn bộ diện tích đất thu hồi trên cho UBND huyện P quản lý.

Ngày 30/12/2019, UBND tỉnh T có Quyết định số 4247/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện P; trong đó có dự án đấu giá đất sản xuất kinh doanh thuộc xã Y, huyện P, diện tích 1,32 ha. Ngày 01/6/2020, UBND tỉnh T có Quyết định số 1571/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá khởi điểm để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo hình thức thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, thời hạn 50 năm tại thửa đất số 29, 30 tờ bản đồ số 50, đất sản xuất kinh doanh thuộc xóm Đ, xã Y, huyện P. Trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất do UBND tỉnh T phê duyệt năm 2020; UBND huyện P đã thực hiện các thủ tục đấu giá, cho thuê đất, ký hợp đồng thuê đất và cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị

Hồng G, là người trúng đấu giá thuê đất theo quy định của Luật Đấu thầu năm 2016.

[2.3] Ông Lục A D và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D trình bày các thửa đất số 29 và 30, tờ bản đồ số 50, tại xã Y, huyện P là đất do gia đình ông D khai phá, sử dụng từ những năm 1966, sử dụng ổn định liên tục, không có tranh chấp với ai; trong quá trình sử dụng đã thuê máy san lấp, ủi để sử dụng đất, có xác nhận của những người nhận thuê san lấp; gia đình đã trồng các cây lâu năm, cây ăn quả và hiện tại còn có trên đất nên gia đình ông có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất. Vào các ngày 10/10/2005, ngày 15/10/2005, ngày 10/12/2009 và ngày 14/5/2013 gia đình ông đã có đơn đăng ký đề nghị công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp nhưng không được UBND huyện P và UBND xã Y chấp nhận là trái pháp luật. Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện trước khi gia đình ông Lục A D làm đơn đăng ký xin công nhận quyền sử dụng đất thì các thửa đất này vào năm 1985 đã được UBND tỉnh B (nay là tỉnh Thái Nguyên) cấp cho Sở Giao thông tỉnh B với mục đích để khai thác đá; đến năm 2003 UBND tỉnh T đã thu hồi và giao lại cho UBND huyện P quản lý. Gia đình ông Lục A D có hành vi sử dụng, xây dựng nhà ở, trồng cây trên đất khi chưa có sự đồng ý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là đã có hành vi lấn chiếm đất nên việc UBND huyện P ra Quyết định số 399/QĐ-XPVPHC ngày 13/02/2018 xử phạt vi phạm hành chính tại và Quyết định số 1101/QĐ-HBMPXPVPHC ngày 11/4/2019 hủy bỏ một phần của quyết định xử lý vi phạm hành chính là có căn cứ pháp luật. Các giấy xác nhận của những người nhận san lấp, ủi đất cho gia đình ông D, do ông D xuất trình không phải là giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai và theo hướng dẫn tại Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Tại phiên toà phúc thẩm, ông Lục A D thừa nhận ngoài lời trình bày và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, gia đình ông không có tài liệu, giấy tờ gì khác chứng minh đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất và thừa nhận gia đình ông chưa thực hiện nghĩa vụ nộp thuế gì đối với việc sử dụng các thửa đất nêu trên cho Nhà nước. Do đó, việc gia đình ông D sử dụng các thửa đất này là trái pháp luật nên không đủ điều kiện để UBND huyện P công nhận quyền sử dụng đất; không đủ điều kiện để được thực hiện việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Điều 53 Luật Đất đai năm 2013; các ý kiến trình bày của ông Lục A D và của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D là không có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Như vậy, việc UBND huyện P thực hiện cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất số CQ 128249 và GCNQSDĐ, quyền sở

hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất số CQ 128250 cùng ngày 03/9/2020 cho bà Nguyễn Thị Hồng G, trú tại phường Đ, thành phố T là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền; đã xác định đúng nguồn gốc, quyền quản lý sử dụng các thửa đất số 29 và 30, tờ bản đồ số 50, tại xã Y, huyện P và đúng với quy định của Luật Đầu thầu năm 2016. Do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lục A D là có căn cứ pháp luật.

[3] Với các nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lục A D; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Ông Lục A D phải chịu hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện ông Lục A D, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2021/HC-ST ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

2. Về án phí: Ông Lục A D phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000047 ngày 15/9/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, VP, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng